

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2023/DS-PT

Ngày: 28-02-2023

V/v tranh chấp liên quan đến yêu cầu
tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu,
tranh chấp về thừa kế tài sản,
tranh chấp về hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Thu

Các Thẩm phán: Ông Võ Công Phương

Ông Phan Minh Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Phương là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh BD.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh BD: Bà Lê Thị Vân - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh BD xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 172/2022/TLPT-DS ngày 07 tháng 10 năm 2022 về “Tranh chấp liên quan đến yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu, tranh chấp về thừa kế tài sản, tranh chấp về hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 253/2022/DS-ST ngày 01 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân TX. HN bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 250/2022/QĐ-PT ngày 06 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Văn Tr, sinh năm 1966, cư trú tại: Số nhà 131, Tổ 6, thôn LX 1, xã LX, huyện ĐD, tỉnh LD; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của ông Lê Văn Tr: Anh Lê Phan Hu, sinh năm 1993, cư trú tại: Số nhà 15A/1, đường LTT, phường BN, Quận 1, Tp. HCM là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 29/10/2018); có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Lê Văn Tr: Luật sư Nguyễn Thanh Lg hoạt động tại Văn phòng Luật sư Long Cường thuộc Đoàn luật sư Tp. HCM; có mặt.

2. Bị đơn: Ông Huỳnh Hc, sinh năm 1966, cư trú tại: Khu phố 3, phường TQ, thị xã HN, tỉnh BD; có mặt.

Người đại diện hợp pháp của ông Huỳnh Hc: Ông Lý Văn Gn, sinh năm 1964, cư trú tại: Khu phố LT 1, phường HT, thị xã HN, tỉnh BD là người đại diện theo ủy quyền (Hợp đồng ủy quyền ngày 11/5/2022); có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Huỳnh Thị G, sinh năm 1975, cư trú tại: Khu phố 3, phường TQ, thị xã HN, tỉnh BD.

Người đại diện hợp pháp của bà Huỳnh Thị G: Ông Lý Văn Gn, sinh năm 1964, cư trú tại: Khu phố LT 1, phường HT, thị xã HN, tỉnh BD là người đại diện theo ủy quyền (Hợp đồng ủy quyền ngày 30/5/2022); có mặt.

- Phòng Công chứng số 2 tỉnh BD, địa chỉ: Số 170, đường QT, phường BS, thị xã HN, tỉnh BD.

Người đại diện hợp pháp của Phòng Công chứng số 2 tỉnh BD: Ông Mai Hữu H - Trưởng phòng Phòng Công chứng số 2 tỉnh BD là người đại diện theo pháp luật; có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Bà Phan Thị Th, sinh năm 1970, địa chỉ: Số nhà 131, Tổ 6, thôn LX 1, xã LX, huyện DD, tỉnh LD.

Người đại diện hợp pháp của bà Phan Thị Th: Anh Lê Phan Hu, sinh năm 1993, địa chỉ: Số nhà 15A/1, đường LTT, phường BN, Quận 1, Tp. HCM là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 26/5/2022); có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Phan Thị Th: Luật sư Nguyễn Thanh Lg hoạt động tại Văn phòng Luật sư Long Cường thuộc Đoàn luật sư Tp. HCM; có mặt.

- Bà Nguyễn Thị Hh, sinh năm 1965, địa chỉ: Khu phố 3, phường TQ, thị xã HN, tỉnh BD.

Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị Hh: Ông Lý Văn Gn, sinh năm 1964, địa chỉ: Khu phố LT 1, phường HT, thị xã HN, tỉnh BD là người đại diện theo ủy quyền (Hợp đồng ủy quyền ngày 16/5/2022); có mặt.

4. Người làm chứng:

- Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1957, địa chỉ: Khu phố 9, phường TQ, thị xã HN, tỉnh BD; có mặt.

- Ông Nguyễn Xuân Tm, sinh năm 1957, địa chỉ: Khu phố 3, phường TQ, thị xã HN, tỉnh BD; có mặt.

- *Kháng nghị*: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã HN.
- *Người kháng cáo*: Ông Lê Văn Tr là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện ngày 17/9/2018, đơn khởi kiện bổ sung ngày 09/11/2018 và ngày 24/7/2019, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày*: Trước năm 1970, ông Huỳnh S và bà Nguyễn Thị N (mẹ ruột ông Tr) sống chung như vợ chồng, không đăng ký kết hôn. Bà N chết ngày 08/3/1983 không có di chúc và ông Huỳnh S là cha dượng đồng thời là cha nuôi của ông Tr chết ngày 03/02/2003 không có di chúc. Di sản để lại là thửa đất số 140 tờ bản đồ số 4 và thửa đất số 1606 tờ bản đồ số 2 tại phường TQ, nay là các thửa đất số 39 tờ bản đồ số 73 và thửa đất số 126 tờ bản đồ số 33. Ông Huỳnh Hc và những người thừa kế khác gồm ông Huỳnh A, bà Huỳnh Thị G đã âm thầm thỏa thuận phân chia toàn bộ di sản trên cho ông Huỳnh Hc theo Văn bản thỏa thuận phân chia di sản ngày 30/10/2004, số công chứng 1142, quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD, tại Phòng công chứng số 2 tỉnh BĐ. Thỏa thuận phân chia di sản này là trái pháp luật vì bỏ sót người thừa kế là ông Lê Văn Tr. Ông Tr là người thừa kế hợp pháp di sản của bà Nguyễn Thị N và ông Huỳnh S như ông Hc, ông A và bà G. Việc ông Hc, ông A và bà G âm thầm cấu kết loại bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Tr đối với di sản này là trái quy định pháp luật, trái đạo lý xã hội và xâm phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Tr. Ông Tr yêu cầu:

Tuyên Văn bản thỏa thuận phân chia di sản ngày 30/10/2004 là vô hiệu vì bỏ sót người thừa kế là ông Lê Văn Tr.

Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Huỳnh Hc.

Yêu cầu trả lại quyền sử dụng đất là di sản của ông Huỳnh S và bà Nguyễn Thị N.

Chia cho ông Lê Văn Tr 1/3 di sản thừa kế của ông Huỳnh S và bà Nguyễn Thị N là quyền sử dụng đất 66,67m² đất ở tại đô thị, 195,43m² đất trồng cây lâu năm tại thửa đất số 39 và 438,53m² đất trồng lúa tại thửa đất số 126.

Vợ chồng ông Tr có mượn của ông Hc bà Hh 2,5 lượng vàng 9999. Lý do chưa trả là vì ông Hc, ông A, bà G cấu kết chiếm đoạt tài sản ông Tr được thừa kế từ ông S bà N. Khi mượn vàng có đưa cho ông Hc bà Hh giữ một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vợ chồng ông Tr sẽ trả lại vàng khi ông Tr nhận được di sản được chia và nhận lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- *Tại đơn phản tố ngày 11/5/2022, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn trình bày*: Sau khi ông S và bà N sống chung, năm 1976 bà N đau bệnh không làm được thì ông S có mua diện tích đất đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở. Đến năm 1983, bà N chết thì ông Tr rời đi cho

đến nay. Lúc ông S còn sống có lo xây dựng gia đình cho ông Tr tại xã LX, huyện DD, tỉnh LD. Sau đó, ông Tr không về chăm sóc ông S. Lúc ông S đau bệnh, ông Hc chăm lo mọi việc cho đến khi ông S qua đời. Ông Tr không hề quan tâm đến. Thực hiện Nghị định 64 về việc giao ruộng đất nông nghiệp, hộ gia đình ông S được cấp đất ông Tr không có quyền đòi hỏi. Ông Tr không quan tâm chăm sóc ông S, đám tang của ông S cũng không về. Giấy khai sinh là do ông S làm để ông Tr đi học. Ông Tr không phải là con nuôi của ông S. Ông Hc không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của ông Tr.

Vợ chồng ông Tr bà Th mượn của vợ chồng ông Hc 25 chỉ vàng 9999 chưa trả. Khi mượn vàng ông Tr có đưa một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để thế chấp. Ông Hc yêu cầu ông Tr bà Th trả cho ông 25 chỉ vàng. Ông Hc rút phần yêu cầu tính lãi vàng từ tháng 8/2013 đến nay và lãi quá hạn.

- *Tại bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh Lê Phan Hu là người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị Th trình bày:* Vợ chồng bà có mượn của ông Hc bà Hh 2,5 lượng vàng 9999. Lý do chưa trả là vì ông Hc, ông A, bà G cấu kết chiếm đoạt tài sản ông Tr được thừa kế từ ông S bà N. Khi mượn vàng ông Tr có đưa cho ông Hc bà Hh giữ một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vợ chồng bà sẽ trả lại vàng khi ông Tr nhận được di sản được chia và nhận lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- *Tại bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Lý Văn Gn là người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị G trình bày:* Về văn bản thỏa thuận phân chia di sản, bà G thống nhất cho ông Hc. Yêu cầu ông Tr trả cho bà G 01 chỉ vàng 9999 và tiền lãi.

- *Tại bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Lý Văn Gn là người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Hh trình bày:* Vợ chồng bà Hh có cho ông Tr mượn 25 chỉ vàng 9999, ông Tr có thể chấp một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà Hh thống nhất theo yêu cầu đòi vàng của ông Hc.

- *Tại các Văn bản số 220/CV-PCC ngày 17/7/2019 và Văn bản số 167/CV-PCC ngày 31/3/2020, Phòng Công chứng số 2 tỉnh BD có ý kiến:* Theo yêu cầu của những người thừa kế, Công chứng viên đã thực hiện công chứng Văn bản thỏa thuận phân chia di sản đúng theo qui định của pháp luật. Nay ông Tr yêu cầu tuyên vô hiệu, Phòng Công chứng số 2 tỉnh BD đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo qui định của pháp luật. Ngày tháng năm ghi trong lời chứng có sai sót do đánh máy. Về ngày lập văn bản thỏa thuận phân chia di sản và ngày ký văn bản của công chứng viên là đúng qui định của pháp luật.

- *Tại biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, người làm chứng trình bày:* Ông Nguyễn Văn K trình bày: Vợ ông là cháu ruột của ông Huỳnh S, ông S là cha của ông Hc. Sau khi chiến tranh kết thúc, ông S lấy bà N về chung sống nhưng bà N thường

xuyên đau bệnh, ông S là người đến nhà ông mượn vàng để chăm lo cho bà N. Năm 1983 bà N chết, ông Tr bỏ đi nơi khác lập nghiệp và từ đó đến nay không thấy ông Tr về lại với ông S, khi ông S chết ông Tr cũng không về lo hậu sự. Thửa đất ông S ở lúc đó là ở đồ của ông Cao Cm, có thời gian sau khi bà N chết, ông S có mượn vàng của ông để trả tiền đất cho ông Cầm.

Ông Nguyễn Xuân Tm trình bày: Ông là hàng xóm của gia đình ông S từ trước đến nay. Ông Tr là con riêng của bà N, sau chiến tranh ông S lấy bà N về chung sống thì ông Tr cũng về ở cùng ông S bà N. Thời gian chung sống của ông S và bà N không dài, sau khi bà N chết vào năm 1983, ông Tr bỏ đi nơi khác sinh sống. Từ đó đến nay, ông không thấy ông Tr về ở với ông S, ông Tr có vài lần ghé ngang qua nhà nhưng cũng không chăm lo lâu dài hay mặn mà gì với ông S cả. Khi ông S chết, ông trực tiếp ở tại đám tang nhưng không thấy ông Tr có mặt. Thửa đất hiện nay ông Hc đang ở là của ông S ở đồ đất của ông Cao Cm từ trước khi lấy bà N.

Bản án dân sự sơ thẩm số 253/2022/DS-ST ngày 01 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân TX. HN, tỉnh BD quyết định:

1. Không chấp nhận yêu cầu của ông Lê Văn Tr về tuyên bố vô hiệu Văn bản thỏa thuận phân chia di sản, số công chứng 1142, quyền số 01/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 08/12/2004 được công chứng tại Phòng Công chứng số 2 tỉnh BD.

2. Không xem xét đối với yêu cầu về giải quyết hậu quả của giao dịch dân sự vô hiệu của ông Lê Văn Tr.

3. Không chấp nhận yêu cầu của ông Lê Văn Tr về chia thừa kế tài sản của bà Nguyễn Thị N tại các thửa đất 140 tờ bản đồ số 4 (nay là thửa đất số 39 tờ bản đồ số 73), thửa đất số 1606 tờ bản đồ số 2 (nay là thửa đất số 126 tờ bản đồ số 33) tại phường TQ, thị xã HN, tỉnh BD.

4. Chấp nhận yêu cầu phản tố và yêu cầu độc lập của bị đơn ông Huỳnh Hc. Buộc vợ chồng ông Lê Văn Tr bà Phan Thị Th có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Huỳnh Hc 25 (Hai mươi lăm) chỉ vàng 9999.

5. Buộc ông Huỳnh Hc trả cho ông Lê Văn Tr Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào số 01938 QSDĐ/4/QDH do Ủy ban nhân huyện ĐD tỉnh LD cấp ngày 14/01/2000.

6. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của ông Lê Văn Tr về hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Huỳnh Hc và chia thừa kế tài sản của ông Huỳnh S tại các thửa đất 140 tờ bản đồ số 4 (nay là thửa đất số 39 tờ bản đồ số 73), thửa đất số 1606 tờ bản đồ số 2 (nay là thửa đất số 126 tờ bản đồ số 33) tại phường TQ, thị xã HN, tỉnh BD.

7. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu phản tố và yêu cầu độc lập của ông Huỳnh Hc về trả lãi vàng từ tháng 8/2013 và trả lãi quá hạn.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 15 tháng 7 năm 2022, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã HN kháng nghị đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh BD hủy bản án dân sự sơ thẩm số 253/2022/DS-ST ngày 01 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân TX. HN.

Ngày 05 tháng 7 năm 2022, nguyên đơn ông Lê Văn Tr kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh BD phát biểu: Trong quá trình tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng; Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị: Đình chỉ xem xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân TX. HN; chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm: Chia thừa kế cho nguyên đơn, buộc ông Hc thanh toán lại phần giá trị di sản thừa kế cho ông Tr.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng nghị hủy bản án sơ thẩm của VKSND TX. HN, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1.1] Thửa đất số 140 tờ bản đồ số 4 trước đây là thửa đất số 419 tờ bản đồ số 4, chủ sử dụng đất là ông Huỳnh S. Thửa đất số 1606 tờ bản đồ số 2 trước đây là thửa số 1200 tờ bản đồ số 2, chủ sử dụng đất là Hợp tác xã nông nghiệp TQ Bắc. Thực hiện Nghị định 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ về cân đối giao quyền sử dụng đất nông nghiệp thì hộ ông Huỳnh S được Hội đồng đăng ký ruộng đất thị trấn TQ thống nhất đề nghị và ngày 11/10/1997, Ủy ban nhân dân huyện HN đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các thửa đất số 140 tờ bản đồ số 4 và thửa đất số 1606 tờ bản đồ số 2 cho hộ ông Huỳnh S. Tại thời điểm cân đối giao quyền hộ ông S gồm 05 nhân khẩu: ông Huỳnh S, ông Huỳnh A, ông Huỳnh Hc, bà Huỳnh Thị G và chị Huỳnh Thị Ngọc Tấn. Nhưng ngày 08/12/2004 ông Huỳnh A, ông Huỳnh Hc, bà Huỳnh Thị G đã lập Văn bản thỏa thuận phân chia di sản 02 thửa đất trên, số công chứng 1142, quyền số 01/TP/CC-SCC/HĐGD tại Phòng Công chứng số 2 tỉnh BD làm ảnh hưởng quyền lợi của chị Huỳnh Thị Ngọc Tấn. Ông Tr yêu cầu tuyên bố Văn bản thỏa thuận phân chia di sản vô hiệu và chia thừa kế 02 thửa đất trên nhưng cấp sơ thẩm không đưa chị Huỳnh Thị Ngọc Tấn vào tham gia tố tụng làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của chị Tấn.

[1.2] Các đương sự thống nhất ông S (chết năm 2003) và bà N (chết năm 1983) sống chung với nhau từ trước năm 1975. Theo điểm a mục 1 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09.6.2000 và mục 1 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03.01.2001 thì các trường hợp nam nữ chung

sống với nhau như vợ chồng từ trước ngày 03 tháng 01 năm 1987 thì được Nhà nước khuyến khích đăng ký kết hôn mà không bắt buộc phải đăng ký kết hôn. Do đó, dù có đăng ký kết hôn hay không đăng ký kết hôn thì pháp luật vẫn công nhận ông S và bà N là vợ chồng từ thời điểm họ bắt đầu chung sống với nhau. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm chưa làm rõ thửa đất số 140 ông S mua của ông Cầm năm nào, trước hay sau khi bà N chết làm rõ làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp hàng thừa kế thứ nhất của ông S, bà N. Ông Hc khi thì khai ông S mua của ông Cầm năm 1976 (BL 176), khi thì khai mua năm 1987 (BL 171). Những người làm chứng ông Ké, ông Trâm xác định ông S và bà N sống chung từ năm 1970. Năm 1972 ông S đưa gia đình vào phan Thiết đến sau năm 1975 ông S đưa cả nhà về quê và được ông Cầm cho ở nhờ trên đất. Sau năm 1987 ông S mua lại đất của ông Cầm. Tại phiên tòa, nguyên đơn cung cấp thông tin cuộc trao đổi với bà Nguyễn Thị Lan, ông Nguyễn Văn Thành, ông Nguyễn Văn Tâm là những người dân sống tại khu phố 3,4 phường TQ, TX.HN, tỉnh BD gần nhà ông S, bà N thời bấy giờ. Những người này đều xác nhận ông S bà N là người mua đất. Lời khai của bị đơn, người làm chứng mâu thuẫn nhau về thời gian ông S mua đất và mâu thuẫn sổ mục kê ghi nhận ông sáu đăng ký thửa đất này năm 1984 (BL 178, 180).

[1.3] Ông Hc khai năm 1987 ông Cầm không cho ở nhờ và có ý định bán nên cha ông và ông mượn vàng của bà con góp lại mua đất này (BL 171). Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Hc xác định đất mua giá 05 chỉ vàng trong đó ông Hc góp 02 chỉ. Còn ông Ké khai cho ông S mượn 03 chỉ vàng và tiền để trả tiền mua đất cho ông Cầm. Nhưng cấp sơ thẩm chưa làm rõ lời khai của ông Hc, ông Ké.

Từ những phân tích trên, nhận thấy cấp sơ thẩm bỏ lọt người tham gia tố tụng, chưa thu thập chứng cứ đầy đủ mà tại phiên tòa phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được. Do đó, Hội xét xử phúc thẩm hủy Bản án dân sự sơ thẩm số: 253/2022/DS-ST ngày 01/7/2022 của Tòa án nhân dân thị xã HN, tỉnh BD. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thị xã HN giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Về án phí, chi phí tố tụng khác:

[2.1] Án phí dân sự sơ thẩm và chi phí định giá sẽ được quyết định khi giải quyết lại vụ án.

[2.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Theo quy định tại khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV thì ông Tr không phải chịu.

[2.3] Về chi phí tố tụng khác: Chi phí tố tụng khác sẽ được giải quyết khi giải quyết lại vụ án.

[3] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh BD yêu cầu Đình chỉ xem xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân TX.HN; chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm: Chia thừa kế cho nguyên đơn, buộc ông Hc thanh toán lại

phần giá trị di sản thừa kế cho ông Tr là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[4] Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư đề nghị hủy bản án sơ thẩm là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308 và Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 10 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV.

Tuyên xử:

1. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 253/2022/DS-ST ngày 01/7/2022 của Tòa án nhân dân thị xã HN, tỉnh BD.

2. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thị xã HN giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

3. Về án phí, chi phí tố tụng khác:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng khác sẽ được giải quyết khi giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn trả lại cho ông Lê Văn Tr 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000003 ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã HN.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Phan Minh Dũng

Võ Công Phương

Võ Thị Hồng Thu

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh BD;
- TAND TX.HN;
- CCTHADS TX.HN;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa DS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Hồng Thu

THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày 30 tháng 8 năm 2022.

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh BĐ.

Với Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Thu

Các Thẩm phán:

Ông Lê Xuân Hải

Ông Nguyễn Thanh Tuấn

Tiến hành nghị án đối với vụ án thụ lý số: 24/2022/TLPT-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Diệu, sinh năm: 1992. (có mặt)

Nơi cư trú: Thôn Xuân An, xã Cát Minh, huyện Phù Cát, BD.

- Bị đơn: Anh Lê Thanh Việt, sinh năm: 1989. (có mặt)

Nơi cư trú: Thôn Xuân An, xã Cát Minh, huyện Phù Cát, BD.

Người kháng cáo: Anh Lê Thanh Việt là bị đơn.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 19, 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV.

Tuyên xử: Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Kết quả biểu quyết 3/3

1. Chị Nguyễn Thị Diệu được ly hôn anh Lê Thanh Việt.

Kết quả biểu quyết 3/3

2. Về án phí: Anh Lê Thanh Việt phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được trừ 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0011509 ngày 15/6/ 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phù Cát.

Kết quả biểu quyết 3/3

3. Phần quyết định còn lại của bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Kết quả biểu quyết 3/3

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Kết quả biểu quyết 3/3

Nghị án kết thúc vào hồi giờ phút, ngày 30 tháng 8 năm 2022.

Biên bản đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

Thẩm phán

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Xuân Hải

Nguyễn Thanh Tuấn

Võ Thị Hồng Thu